



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH

UNIT: SCHOOL ROOMS



Name: _____ Class: _____ Date: _____

1. Nối từ với hình phù hợp. (9 câu)

1. school
2. classroom
3. library
4. playground
5. art room
6. computer room
7. music room
8. gym
9. English room



2. Điền từ thích hợp. (9 câu)

school classroom library playground art room
computer room music room gym English room

1. This is my _____.
2. This is my _____.
3. This is my _____.
4. This is my _____.
5. This is my _____.
6. This is my _____.
7. This is my _____.
8. This is my _____.
9. This is my _____.



3. Chọn đáp án đúng. (6 câu)

1. This is my _____.
A. library B. libsary C. library
2. This is his _____.
A. classroom B. classrom C. clasroom
3. This is her _____.
A. art room B. artroom C. art rom
4. This is our _____.
A. playground B. playgroud C. play ground
5. This is your _____.
A. computer room B. computer rom C. computerroom
6. This is their _____.
A. gym B. g ym C. jim

4. Sắp xếp các từ thành câu hoàn chỉnh. (6 câu)

1. my / This / school / is / . _____
2. his / This / classroom / is / . _____
3. her / This / library / is / . _____
4. our / This / playground / is / . _____
5. your / This / art room / is / . _____
6. their / This / computer room / is / . _____

5. Nhìn hình, viết câu đúng với từ gợi ý. (6 câu)



my / classroom



his / library



her / playground



our / music room



your / gym



their / English room